

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 259/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 22-12-2022  
V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Lương Thị Mai Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Minh Khai, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh T, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn 1, xã G, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 9 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị M trình bày:

Chị kết hôn với anh T vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị M khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên H sinh ngày 14 tháng 7 năm 1999. Hiện nay con chung tên H đã thành niên và có khả năng lao động nên chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2022 bị đơn là anh T trình bày:

Anh kết hôn với chị M vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm ăn và đối xử giữa các thành viên trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2009 đến nay. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn anh T, anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 chung tên H sinh ngày 14 tháng 7 năm 1999. Hiện nay con chung tên H đã thành niên nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; nguyên đơn là chị M và bị đơn là anh T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị M. Về hôn nhân: Cho chị M được ly hôn anh T. Về án phí: Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, thành phố Hải Phòng vào năm 1998 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chị M và anh T chung sống hoà thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn chị M và anh T thống nhất trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2009 đến nay. Nay chị M khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình vợ chồng chị M và anh T chung sống hòa thuận đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị M và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2010 đến nay. Như vậy thể hiện hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M về việc xin ly hôn anh T, cho chị M được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung tên H sinh ngày 14 tháng 7 năm 1999. Hiện nay con chung tên H đã thành niên và có khả năng lao động nên chị M và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh T thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Cho chị M được ly hôn anh T.

2. Về án phí: Chị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008190 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã G, huyện N, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**

































